

Bản án số: 118/2019/HSST
Ngày 16-08-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thịnh - Bí thư Đoàn thanh niên phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Thế Phương - Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 08 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2019/HSST ngày 14 tháng 06 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 08 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (tên gọi khác: Kc), sinh ngày 19-02-2001 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị O; Tiền sự : không.

Tiền án: Bản án số 152/2017/HSST ngày 12-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng (chưa bồi thường trách nhiệm dân sự); bị bắt ngày 02 tháng 03 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

2. Trần Cao Đ (tên gọi khác: Đh), sinh năm 1995 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Cao H và bà Nguyễn Thị G; Tiền sự : không.

Tiền án: Bản án số 31/2016/HSST ngày 31-03-2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa bồi thường

trách nhiệm dân sự); bị bắt ngày 02 tháng 03 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

3. Trương Văn T1 (tên gọi khác: T), sinh ngày 15-11-2002 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Huỳnh Thị Thanh L; Tiền sự, tiền án : không; bị bắt ngày 21 tháng 03 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

4. Đoàn Thanh T2 (tên gọi khác: Tc, Tđb), sinh năm 1985 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Thanh H và bà Đoàn Ngọc T; vợ: Huỳnh Thị Bích N; có hai con sinh năm 2010 và 2018; Tiền sự : không.

Tiền án: Bản án số 155/2007/HSST ngày 09-08-2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia ” (chưa bồi thường trách nhiệm dân sự đối với nhà nước); bị bắt ngày 04 tháng 03 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T1: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là cha bị cáo -có mặt); bà Huỳnh Thị Thanh L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là mẹ bị cáo - có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T1: Luật sư Lê Biên P- thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Cộng tác viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

Người bị hại :

1/Lê Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

2/Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

3/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

4/ Trần Thị Kim C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

5/ Lý Thị Như B, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

6/ Hồ Phước M, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

7/ Vũ Thanh T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Bùi Văn G, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2/ Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

3/ Phạm Lê Hồng T3, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp B, xã H, thành phố B tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01-2019 đến tháng 03-2019, trên địa bàn thị xã P xảy ra nhiều vụ trộm cắp tài sản của công dân. Quá trình điều tra, Lê Văn T, Trương Văn T1, Trần Cao Đ, Đoàn Thanh T2 đã khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 01 giờ 00 phút sáng ngày 19-02-2019, Lê Văn T, Trần Cao Đ, Trương Văn T1 chơi game bắn cá và sử dụng ma túy đá xong thì rủ nhau đi trộm cắp. Cả ba đi bộ đến khu vực chợ cũ xã T, thị xã P thì phát hiện xe mô tô loại Japan Proud Wawe màu xanh dựng ở trước cổng chợ không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. T và Đ đứng ngoài cảnh giới, T1 lên lút đi vào dắt trộm xe Wawe ra khoảng 10m nổ máy rồi cùng T, Đ lên xe chạy thoát.

T1 điều khiển xe chạy đến khu vực nhà mới xã T dùng kim mang theo tháo biển số xe ra. Sau đó, Đ rủ T1 và T dùng xe này chạy đến khu phố Ô, phường T để tiếp tục đi bắt trộm gà, nhưng không trộm được.

Khi cả ba chạy xe đi đến khu phố T, xã P thì phát hiện ở dãy nhà trọ có một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Sirius, biển số 77H1-130.66, màu đỏ-đen của anh Lê Văn P để trước phòng trọ không có người trông coi. T1 nói Đ dừng xe để T1 vào lấy trộm xe, còn T và Đ đứng ngoài cảnh giới. Do xe không có chìa khóa nên Đ đi xe Wawe chở T và dùng chân đẩy xe Sirius do T1 ngồi trên điều khiển. Khi đẩy đến phía sau cây xăng ở khu phố T, phường P thì T1 nói Đ và T chạy xe Wawe đi về trước còn T1 ở lại dùng tay giật dây ổ khóa điện rồi cho chạm dây đề xe nổ máy chạy về nhà.

Sáng ngày 19-02-2019, T1 mang chiếc xe Sirius biển số 77H1-130.66 bán cho một người phụ nữ tên K thuê phòng trọ ở khu vực phường M với giá 2.000.000 đồng. Số tiền này T1 mua ma túy đá sử dụng, không chia cho T và Đ. Xe mô tô Wawe T sử dụng được khoảng năm ngày rồi đưa xe cho T1 mang đến tiệm sửa chữa xe do Bùi Văn G làm chủ bán với giá 700.000 đồng. T1 và T cho Đ 200.000 đồng, số tiền còn lại T1, T mua ma túy đá sử dụng.

Kết luận định giá tài sản kết luận: Xe Sirius biển số 77H1-130.66 trị giá 19.500.000 đồng; Xe mô tô loại Wawe số khung, số máy bị tẩy xóa, chưa xác định được người bị hại nên không định giá được tài sản.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 15-01-2019, sau khi chơi game bắn cá, Đ đi bộ đến khu vực thôn P, xã T với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến cửa hàng nhôm kính do anh Nguyễn Văn B làm chủ, thấy cửa sổ không đóng, bên trong không có khung sắt nên Đ trèo vào trong nhà. Đ đến phòng ngủ nhìn vào trong thấy anh B đang ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu bạc. Đ lén lút lấy chiếc điện thoại rồi tẩu thoát. Đến sáng cùng ngày, Đ đến tiệm Internet ở xã T bán điện thoại trên với giá 500.000 đồng cho một thanh niên chơi net ở quán (không xác định được nhân thân).

Kết luận định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu bạc trị giá 4.800.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng hơn 01 giờ 00 phút sáng ngày 24-01-2019, Đ đi bộ đến khu vực thôn P, xã T. Khi đi ngang qua tiệm Phở do anh Nguyễn Văn C làm chủ, Đ thấy trước cửa quán dựng một xe mô tô nhãn hiệu DRAGON màu xanh, biển số 89F9- 6160 không có người trông coi. Thấy xe cấm sẵn chìa khóa nên Đ lén lút đến dắt xe mô tô của anh C đi khoảng 3m rồi nổ máy chạy về nhà.

Đến sáng Đ mang xe đi bán nhưng không có ai mua nên Đ điều khiển xe chạy đến con suối ở gần nhà tháo dỡ xe ra mang bán ve chai ở địa điểm đối diện với cây xăng số 6 thuộc thôn P, xã T, thị xã P được 450.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản kết luận : Xe mô tô nhãn hiệu DRAGON màu xanh, biển số 89F9- 6160 trị giá 1.400.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 02 giờ ngày 08-02-2019, sau khi chơi game bắn cá, Đ đi bộ vào bên trong khu vực Tịch thất M thuộc phường P, thị xã P. Khi đi đến phòng ở của ni cô Trần Thị Kim C thấy bên ngoài cửa gài chốt, không khóa. Đ mở chốt cửa vào trong thấy trên giường để 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo đang sạc pin, 01 máy tính bảng hiệu Samsung. Đ lén lút lấy các tài sản trên rồi tẩu thoát.

Đ đi bộ ra quốc lộ 51 uống cà phê thì gặp một người phụ nữ đang đi tập thể dục (không xác định được nhân thân), Đ bán cho người phụ nữ chiếc máy tính bảng hiệu Samsung với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, Đ đi xe ôm đến tiệm điện thoại mang tên N do Nguyễn Ngọc A làm chủ bán điện thoại di động hiệu Oppo được 650.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản kết luận: 01 máy tính bảng hiệu Samsung trị giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO trị giá 1.600.000 đồng; tiền mặt 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.600.000 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 01 giờ 30 sáng ngày 15-02-2019, Trương Văn T1 đi bộ qua nhà của bà Lý Thị Như B thấy cửa sổ không đóng, bên trong có một chùm chìa khóa treo sát cửa sổ, T1 thò tay lấy chùm chìa khóa rồi mở cửa chính vào bên trong. T1 dùng chùm chìa khóa mở khóa xe mô tô hiệu Honda Blade màu cam-đen biển số 66V1-538.00 dắt xe ra ngoài đường nổ máy điều khiển chiếc xe trên về nhà cất giấu.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút sáng cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho Đoàn Thanh T2 nói mới lấy trộm được chiếc xe mô tô có mua thì chạy vào xem. T2 đồng

ý mua xe với giá 3.000.000 đồng để sử dụng, T2 đưa cho T1 1.000.000 đồng, còn lại T2 trừ nợ của T1.

Kết luận định giá tài sản kết luận : 01 xe mô tô hiệu Honda Blade màu cam-đen biển số 66V1-538.00 trị giá 28.310.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01-03-2019, Đ đi bộ qua tiệm Internet của anh Hồ Phước M thấy bên trong đèn sáng. Đ đi về phía sau nhà trèo tường vào trong. Đ thấy anh M đang ngủ trên giường, bên cạnh giường có 01 chiếc máy tính bảng hiệu Ipad đang sạc pin và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Đ lên lút lấy chiếc Ipad và điện thoại Nokia bỏ vào túi quần. Đ thấy chiếc quần Jean để ở cuối giường, lục túi quần thấy có 01 bóp da Đ lấy bỏ vào túi quần rồi leo rào tàu thoát.

Đ kiểm tra trong bóp có 1.300.000 đồng, Đ mang điện thoại Nokia và Ipad bán cho một người đàn ông tên B (không xác định được nhân thân) được 1.100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản kết luận : 01 máy tính bảng hiệu Ipad trị giá 2.820.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 230 trị giá 910.000 đồng; tiền mặt 1.300.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 5.030.000 đồng.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 28-02-2019, Trương Văn T1 rủ Lê Văn T đi trộm cắp tài sản. T1 và T đi bộ đến nhà chị Vũ Thanh T3 thấy cửa sổ nhà chị T3 không đóng, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu sơn đen-đỏ biển số 72E1-635.31 đang dựng tại phòng khách. T1 đột nhập vào nhà bằng cửa sau, T đứng ngoài cảnh giới. Khi vào nhà bếp thấy hai giỏ đựng hai con gà tre nên T1 lấy hai con gà mang ra đưa cho T giữ. T1 quay lại phòng khách, thấy chìa khóa cắm sẵn trên xe mô tô, T1 mở cửa nhà dắt xe mô tô Honda Sonic ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe chở T chạy về nhà T1.

Sau đó, T1 gỡ biển số xe ra rồi điều khiển xe chở T chạy đến nhà Đoàn Thanh T2. T1 nói với T2 vừa trộm được một chiếc xe Honda Sonic và hai con gà tre và hỏi T2 có mua không nhưng T2 nói chỉ mua hai con gà tre còn xe T2 sẽ giới thiệu người mua. T2 bảo T1 lấy xe mô tô Honda Sonic chạy đến bùng binh thành phố B. Đến khoảng 06 giờ 00 phút sáng cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô chạy đến bùng binh thành phố B rồi điện thoại cho T1.

Sau đó, T2 và T1 chạy đến nhà Phạm Lê Hồng T2 là bạn của T2, T1 không quen biết trước. T2 nói dối Phạm Lê Hồng T2 chiếc xe trên được mua trả góp, chưa có biển kiểm soát và giấy tờ, do thiếu tiền tiêu xài nên bán rẻ cho Hồng T2 với giá 8.000.000 đồng. Phạm Lê Hồng T2 không biết chiếc xe trên do T1 trộm cắp nên đồng ý mua và trả trước 3.500.000 đồng. T1 chia cho T 500.000 đồng, đưa cho Đoàn Thanh T2 1.000.000 đồng. Đến chiều ngày 01-03-2019, T2 đến chỗ Phạm Lê Hồng T2 lấy tiếp 1.500.000 đồng về đưa cho T1 thì T1 đưa cho T2 500.000 đồng mua ma túy đá về sử dụng.

Kết luận định giá tài sản kết luận : Xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 72E1-635.31 trị giá 59.946.000 đồng; 02 con gà tre, mỗi con có trọng lượng 01 kg có tổng giá trị là 600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 60.546.000 đ.

Anh Nguyễn Ngọc A không xác định được Lê Văn T có đến bán điện thoại cho tiệm điện thoại của mình hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng và không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc A.

Anh Bùi Văn G và Phạm Lê Hồng T2 không biết tài sản đã mua có nguồn gốc do phạm tội mà có, các anh đã tự nguyện giao nộp lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Bùi Văn G và Phạm Lê Hồng T2.

Đối với người phụ nữ tên K, người đàn ông tên B là chủ tiệm ve chai ở địa điểm đối diện với cây xăng số 6 thuộc thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và một số người đã mua các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng chưa xác định được nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô loại Wawe không biển kiểm soát, số khung, số máy đã bị tẩy xóa (do Lê Văn T, Trần Cao Đ, Trương Văn T1 trộm cắp) chưa xác định được chủ sở hữu nên Công an thị xã Phú Mỹ đang tạm giữ thông báo tìm chủ sở hữu, xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 12-06-2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Lê Văn T, Trương Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Trần Cao Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Đoàn Thanh T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo T, Đ, T1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi bị cáo T2 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 173; điểm r,s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T và Đ mức án từ 03 đến 04 năm tù;

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo T1 từ 03 đến 04 năm tù;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm r,s khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo T2 từ 15 đến 18 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị HĐXX xem xét: Bị cáo là người chưa thành niên, trình độ phát triển về thể chất, tinh thần chưa hoàn thiện, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ đã ly hôn nên bị cáo không được quan tâm đúng mức, phải bỏ học sớm, trình độ văn hóa thấp. Bị cáo đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự, nên đề nghị HĐXX

giảm cho bị cáo mức hình phạt dưới khung để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo T1 và người đại diện hợp pháp đồng ý nội dung bào chữa của Luật sư, không bổ sung ý kiến.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh “ Trộm cắp tài sản”: Tại phiên tòa các bị cáo T, Đ, T1 xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01-2019 đến tháng 03-2019, tại địa bàn thị xã P, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo T, Đ, T1 tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Trong đó xác định bị cáo T tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp, chiếm đoạt tổng trị giá tài sản là 80.046.000 đồng, giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi vụ đều trên 2.000.000 đ. Vì vậy, hành vi bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt : Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Bị cáo Đ tham gia thực hiện 05 vụ trộm cắp, chiếm đoạt tổng trị giá tài sản là 35.330.000 đồng, giá trị tài sản chiếm đoạt của 4 vụ trên 2.000.000 đ, 1 vụ dưới 2.000.000 đ. Xét bị cáo Đ đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản; không có nghề nghiệp, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy, hành vi bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Mục 5 Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12-05-

2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao với tình tiết định khung hình phạt: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Bị cáo T1 tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tổng trị giá tài sản là 108.356.000 đồng, giá trị tài sản của 03 vụ đều trên 2.000.000 đ. Hành vi bị cáo T1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt: Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[3]. Về tội danh “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ”: Xét bị cáo T2 không có sự thỏa thuận hứa hẹn gì trước với bị cáo T1 nhưng biết rõ xe mô tô Honda Blade biển số 66V1-538.00, xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 72E1-635.31 và 02 con gà tre có tổng trị giá 88.856.000 đ là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng bị cáo T2 vẫn tiêu thụ nhằm mục đích để sử dụng và thu lợi bất chính. Hành vi bị cáo T2 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét vai trò các bị cáo : Các bị cáo T, Đ, T1 không bàn bạc thống nhất trước việc thực hiện hành vi phạm tội, sự cấu kết chưa đến mức chặt chẽ, nên hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Nên xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng, bất ổn trong cộng đồng dân cư. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều tự thú về hành vi phạm tội trước đó; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T1 thuộc T1 hợp người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, Đ, T2 đều đã có một tiền án; các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên; là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại điểm a Mục 5.2 Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12-05-2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Vũ Thanh T xác định đã nhận lại tài sản xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 72E1-635.31; bà Lý Thị Như B xác định đã nhận lại tài sản xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 66V1-538.00; bà T và bà B không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Người bị hại Lê Văn P, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C, Trần Thị Kim C, Hồ Phước M yêu cầu các bị cáo bồi đồng ý bồi thường tài sản bị mất theo kết quả định giá.

- Người liên quan Bùi Văn G, Nguyễn Ngọc A, Phạm Lê Hồng T2 không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Tại phiên toà, các bị cáo T, Đ, T1 thỏa thuận mỗi bị cáo bồi thường theo phần bằng nhau cho anh Lê Văn P số tiền 19.500.000 đ (mỗi bị cáo bồi thường 6.500.000 đ).

- Tại phiên toà, bị cáo Đ đồng ý bồi thường tài sản bị mất cho anh Nguyễn Văn B 4.800.000 đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn C 1.400.000 đ, bồi thường cho bà Trần Thị Kim C 4.600.000 đ, bồi thường cho anh Hồ Phước M 5.030.000 đ.

- Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị cáo T1 là ông Trương Văn Đ và bà Huỳnh Thị Thanh L đồng ý trách nhiệm liên đới cùng bị cáo T1 bồi thường tài sản bị mất cho người bị hại Lê Văn P.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, nên buộc các bị cáo T, Đ, T1 và ông Trương Văn Đ, bà Huỳnh Thị Thanh L phải bồi thường cho các bị hại tài sản bị mất theo quy định pháp luật.

[9]. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo T2 xác định thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đ nên buộc bị cáo T2 phải nộp sung quỹ nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo T, Đ, T1 còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Trương Văn T1, Trần Cao Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đoàn Thanh T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Lê Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 03 năm 2019.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Trần Cao Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 03 năm 2019.

4. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Trương Văn T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 03 năm 2019.

5. Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Đoàn Thanh T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 03 năm 2019.

6. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585; khoản 1, 2 Điều 586; Điều 587; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Lê Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Văn P 6.500.000 đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Trương Văn Đ và bà Huỳnh Thị Thanh L cùng bị cáo Trương Văn T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn P 6.500.000 đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

- Trần Cao Đ có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Văn P 6.500.000 đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Văn B 4.800.000 đ (bốn triệu tám trăm ngàn đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Văn C 1.400.000 đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng), bồi thường cho bà Trần Thị Kim C 4.600.000 đ (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng), bồi thường cho anh Hồ Phước M 5.030.000 đ (năm triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; buộc bị cáo Đoàn Thanh T2 phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

8. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo T, Đ, T1 phải nộp cụ thể như sau: Lê Văn T phải nộp 325.000 đ (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng), Trương Văn T1 phải nộp 325.000 đ (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng), Trần Cao Đ phải nộp 1.117.000 đ (một triệu một trăm mười bảy ngàn đồng).

9. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

T1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)
Lương Thị Thanh Hảo